

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY MẸ
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2020 ĐẾN 30/06/2020

Hà Nội tháng 8 năm 2020

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAMSố 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	05
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	06
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	07 - 30



TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Xi măng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam ("báo cáo tài chính riêng") cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Ông Bùi Hồng Minh	Chủ tịch
Ông Lê Nam Khánh	Thành viên
Ông Phạm Văn Nhận	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê Nam Khánh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2020)
Ông Bùi Hồng Minh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2020)
Ông Đinh Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Hà	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty trong kỳ hoạt động, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Lê Nam Khánh

Tổng Giám đốc

Hà Nội ngày 15 tháng 8 năm 2020

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020**MẪU SỐ B01a - DN**
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.961.294.267.114	4.177.608.001.980
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	603.995.485.058	1.471.885.358.442
1. Tiền	111		208.692.794.180	605.070.110.931
2. Các khoản tương đương tiền	112		395.302.690.878	866.815.247.511
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.034.276.712.329	456.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	1.034.276.712.329	456.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.314.805.993.684	2.241.595.407.636
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	135.178.213.332	120.056.609.299
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	87.199.019.187	81.557.324.687
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	1.882.730.592.265	1.907.730.592.265
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	210.542.776.654	133.589.666.239
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(844.607.754)	(1.338.784.854)
IV. Hàng tồn kho	140		12.539.855	9.086.600
1. Hàng tồn kho	141		12.539.855	9.086.600
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.203.536.188	8.118.149.302
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		85.386.886	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	8.118.149.302	8.118.149.302
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.788.148.090.368	11.765.440.447.869
I. Tài sản cố định	220		386.752.585.140	387.538.831.979
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	12.636.306.792	13.420.616.482
- Nguyên giá	222		70.540.619.113	70.386.619.113
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.904.312.321)	(56.966.002.631)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	374.116.278.348	374.118.215.497
- Nguyên giá	228		392.086.030.022	391.985.603.622
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.969.751.674)	(17.867.388.125)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		882.696.678.489	882.030.992.457
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	882.696.678.489	882.030.992.457
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		10.504.907.024.739	10.482.078.821.433
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	11.295.030.328.883	11.295.030.328.883
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	2.005.951.403.394	2.005.951.403.394
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	342.169.399.950	342.169.399.950
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.138.244.107.488)	(3.161.072.310.794)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		13.791.802.000	13.791.802.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	13.791.802.000	13.791.802.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		15.749.442.357.482	15.943.048.449.849

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu số B01a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		430.964.326.060	718.907.691.097
I. Nợ ngắn hạn	310		430.964.326.060	718.907.691.097
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	26.832.516.010	31.151.327.597
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.366.094	2.023.978.895
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	208.813.517.514	427.137.860.394
4. Phải trả người lao động	314		31.205.346.654	50.338.981.599
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	20.751.431.940	27.323.597.101
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	127.711.681.792	145.564.706.920
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.636.466.056	35.367.238.591
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.318.478.031.422	15.224.140.758.752
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	15.318.478.031.422	15.224.140.758.752
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		14.482.610.534.843	14.482.610.534.843
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		97.859.545.560	97.859.545.560
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		738.007.951.019	643.670.678.349
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		15.749.442.357.482	15.943.048.449.849

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2020

Người lập

Trịnh Thị Hương

Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

Văn Quang Đức

Tổng Giám đốc



Lê Nam Khánh

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2020

MẪU SỐ B02a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế đến cuối Quý này	
			Kỳ này	Kỳ so sánh	Kỳ này	Kỳ so sánh
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	24	63.311.662.587	69.233.762.873	116.949.033.265	125.889.966.573
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10		63.311.662.587	69.233.762.873	116.949.033.265	125.889.966.573
4. Giá vốn hàng bán	11	25	2.662.033.801	2.582.886.687	4.970.994.568	4.510.897.636
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	20		60.649.628.786	66.650.876.186	111.978.038.697	121.379.068.937
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	157.817.456.116	413.657.177.758	288.267.277.625	501.060.584.037
7. Chi phí tài chính	22	27	(30.706.969.082)	(27.980.323.255)	(22.798.884.354)	(41.083.192.594)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	54.648.908.972	59.715.881.068	108.609.391.855	102.948.091.703
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		194.525.145.012	448.572.496.131	314.434.808.821	560.574.753.865
11. Thu nhập khác	31		24.500.000	397.370	24.500.000	7.670.097
12. Chi phí khác	32		1.733.254	65.488	1.733.254	65.488
13 Lợi nhuận khác	40		22.766.746	331.882	22.766.746	7.604.609
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		194.547.911.758	448.572.828.013	314.457.575.567	560.582.358.474
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		194.547.911.758	448.572.828.013	314.457.575.567	560.582.358.474

Người lập

Trịnh Thị Hương

Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

Văn Quang Đức

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM.
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lê Nam Khánh

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 2 năm 2020

MẪU SỐ B03a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	314.457.575.567	560.582.358.474
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.040.673.239	1.621.479.681
- Các khoản dự phòng	03	(23.322.380.406)	(42.910.414.448)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(678.088)	(5.580.348)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(288.237.280.585)	(501.061.721.062)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.937.909.727	18.226.122.297
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(23.139.187.147)	(18.281.038.670)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(3.453.255)	(956.800)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(53.461.249.709)	(26.710.426.798)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	-	(18.812.446.704)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(36.695.960.035)	(18.187.185.259)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(109.361.940.419)	(63.765.931.934)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(920.112.432)	(3.026.155.127)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	7.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.065.000.000.000)	(794.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	515.000.000.000	478.568.573.607
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	72.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	210.297.959.569	385.130.519.846
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(340.622.152.863)	138.680.211.053
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(417.906.458.190)	(477.987.404.204)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(417.906.458.190)	(477.987.404.204)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(867.890.551.472)	(403.073.125.085)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.471.885.358.442	1.380.619.207.570
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	678.088	5.580.348
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	603.995.485.058	977.551.662.833

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2020

Người lập

Trinh Thị Hương

Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

Văn Quang Đức

Tổng Giám đốc



Lê Nam Khánh

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu**

Tổng công ty Xi măng Việt Nam ("Tổng công ty" hay "VICEM") là một doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 197/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng công ty được chuyển đổi hình thức doanh nghiệp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106320 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 7 năm 2011. Tổng công ty cũng nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ năm được cấp ngày 14 tháng 04 năm 2020.

Trụ sở chính của Tổng công ty đặt tại số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 258 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 261 người).

Hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker.

Ngành nghề kinh doanh liên quan:

- Kinh doanh than, thạch cao, vận tải cho chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh xi măng;
- Cung ứng các dịch vụ tư vấn, chuyển giao kỹ năng quản lý, quản trị doanh nghiệp, kỹ thuật, thị trường;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực;
- Tư vấn đầu tư, xây dựng và phát triển xi măng;
- Lĩnh vực vật liệu xây dựng liên quan chuỗi giá trị ngành xi măng;
- Các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng.

Cấu trúc của Tổng công ty

Cơ cấu Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam bao gồm Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc bao gồm:

- Ban quản lý DA Trung tâm Điều hành Vicem và Khu tổng hợp Vĩnh Tuy thành phố Hà Nội;
- Ban quản lý Ban quản lý Dự án Nhà máy kết cấu bê tông - vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi, Quỳnh Lưu, Nghệ An
- Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng (CCID)

Đơn vị hành chính sự nghiệp:

- Viện Công nghệ Xi măng Vicem

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng công ty như sau:

STT	Tên	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	Hải Phòng	100%	100%	Sản xuất xi măng
2.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Hải Dương	100%	100%	Sản xuất xi măng
3.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Ninh Bình	100%	100%	Sản xuất xi măng
4.	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Quảng Ninh	82,69%	82,69%	Sản xuất xi măng
5.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	Phú Thọ	80,79%	80,79%	Sản xuất xi măng
6.	Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Hồ Chí Minh	79,70%	79,70%	Sản xuất xi măng
7.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Hà Nam	79,51%	79,51%	Sản xuất xi măng
8.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Đà Nẵng	75,75%	75,75%	Sản xuất xi măng
9.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Nghệ An	73,80%	73,80%	Sản xuất xi măng
10.	Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Thanh Hóa	73,15%	73,15%	Sản xuất xi măng
11.	Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Đà Nẵng	65,81%	65,81%	Kinh doanh xi măng
12.	Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng	Hải Phòng	63,63%	63,63%	Kinh doanh Bất Động sản
13.	Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem (đổi tên từ Công ty Cổ phần Vicem Vật tư vận tải Xi măng)	Hà Nội	62,95%	62,95%	Dịch vụ vận tải
14.	Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Hà Nội	59,64%	59,64%	Kinh doanh xi măng
15.	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Hải Phòng	53,86%	53,86%	Dịch vụ vận tải
16.	Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	Hải Dương	51,61%	51,61%	Dịch vụ vận tải
17.	Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Thừa Thiên Huế	51,21%	51,21%	Kinh doanh thạch cao
18.	Công ty Cổ phần Logistic Vicem (đổi tên từ Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên)	Hồ Chí Minh	50,08%	50,08%	Dịch vụ vận tải
19.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Hạ Long (Công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long)	Hồ Chí Minh	82,69%	100%	Kinh doanh xi măng
20.	Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung (Công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn)	Thanh Hóa	56,18%	76,80%	Kinh doanh xi măng
21.	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ (Công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1)	Hồ Chí Minh	51,90%	89,00%	Kinh doanh Bất động sản
22.	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ Thủ Đức (Công ty con của Công ty Cổ phần Logistic Vicem)	Hồ Chí Minh	32,55%	65,00%	Kinh doanh Bất động sản

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng công ty

STT	Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Xi măng Nghi Sơn	Thanh Hóa	35,00%	(*)	Sản xuất xi măng
2.	Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	Hồ Chí Minh	35,00%	(*)	Sản xuất xi măng
3.	Công ty Xi măng Chinfon	Hải Phòng	14,44%	(*)	Sản xuất xi măng
4.	Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Cần Thơ	48,17%	48,17%	Sản xuất xi măng
5.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Hà Nam	34,29%	34,29%	Sản xuất bao bì
6.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	Thanh Hóa	48,99%	48,99%	Sản xuất bao bì
7.	Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	Hồ Chí Minh	38,45%	38,45%	Sản xuất bao bì
8.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	Hải Phòng	48,99%	48,99%	Sản xuất bao bì
9.	Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Hà Nội	24,00%	24,00%	Xây dựng
10.	Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	Hải Dương	27,76%	27,76%	Sản xuất bao bì

(*) Các công ty liên doanh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam ("báo cáo tài chính riêng") kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu các báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc. Các giao dịch và số dư nội bộ liên quan đến đầu tư vốn (cấp vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn vay hộ, ...), cung cấp hàng hóa, dịch vụ, thu hộ, chi hộ, lãi/lỗ nội bộ chưa thực hiện giữa Văn phòng Tổng công ty với các đơn vị hạch toán phụ thuộc hoặc giữa các đơn vị hạch toán thuộc với nhau được loại trừ khi trình bày các chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc được lập cùng năm và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất với báo cáo tài chính của Tổng công ty.

Theo Quyết định số 1008/QĐ-XMVN ngày 15 tháng 6 năm 2011, Hội đồng Thành viên Tổng công ty đã phê duyệt việc thành lập Viện Công nghệ Xi măng, một đơn vị sự nghiệp, tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động, trực thuộc Tổng công ty và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề theo quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Công nghệ Xi măng do Tổng công ty phê duyệt. Báo cáo tài chính của Viện Công nghệ Xi măng hàng năm không được cộng hợp vào báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho cùng năm tài chính.

Tổng công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc đồng thời báo cáo tài chính riêng này với báo cáo tài chính hợp nhất để có đầy đủ thông tin về hoạt động của Tổng công ty.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tổng công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư tài chính được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính/Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên nhận đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ vào khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế và các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bản quyền, bằng sáng chế được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 4 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 4 năm.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị các khoản trả trước tiền thuê đất và chi phí sửa chữa Văn phòng Vicem.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước theo hợp đồng thuê đất tại Khu công nghiệp Đông Hồi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An vào ngày 23 tháng 11 năm 2012 trong thời hạn là 46 năm 10 tháng. Tổng công ty chưa thực hiện phân bổ giá trị quyền sử dụng đất do toàn bộ khu đất này hiện đang được sử dụng để xây dựng Nhà máy kết cấu bê tông-Vật liệu xây dựng không nung Nghệ An, Đông Hồi.

Chi phí sửa chữa văn phòng Tổng công ty được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết tại Tổng công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần lớn quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, Tổng công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các mối quan hệ đó.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	783.504.704	1.678.567.736
Tiền gửi ngân hàng	207.909.289.476	603.391.543.195
Các khoản tương đương tiền	395.302.690.878	866.815.247.511
Cộng	603.995.485.058	1.471.885.358.442

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	1.034.276.712.329	456.000.000.000
Cộng	1.034.276.712.329	456.000.000.000

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	21.491.055.914	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	15.273.759.294	15.104.018.276
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	14.903.824.654	
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	64.333.927.515	75.182.228.502
Các khách hàng khác	19.175.645.955	29.770.362.521
Cộng	135.178.213.332	120.056.609.299

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần TID	56.716.805.883	56.716.805.883
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng	20.996.095.271	20.996.095.271
Các nhà cung cấp khác	9.486.118.033	3.844.423.533
Cộng	87.199.019.187	81.557.324.687

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	590.000.000.000	700.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	120.000.000.000	170.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	250.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	350.000.000.000	270.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	260.000.000.000	340.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	222.730.592.265	287.730.592.265
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	40.000.000.000	40.000.000.000
Cộng	1.882.730.592.265	1.907.730.592.265

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu lãi cho vay	97.968.094.147	63.400.402.646
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	68.008.196.765	43.132.584.770
Phải thu về cổ phần hóa	11.555.728.218	11.503.478.218
Lãi dự thu ngân hàng	26.343.974.802	7.847.957.282
Tạm ứng cho nhân viên	1.739.569.000	1.631.629.000
Phải thu khác	4.927.213.722	6.073.614.323
Cộng	210.542.776.654	133.589.666.239

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN**10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	30/06/2020				01/01/2020			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	Năm	VND	VND	VND	Năm	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Từ 1 - 2 năm	159.043.358	79.521.679	79.521.679	Từ 1 - 2 năm	159.043.358	79.521.679	79.521.679
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1		-	-	-	Từ 2 - 3 năm	103.570.000	31.071.000	72.499.000
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn		-	-	-	Trên 3 năm	166.493.100	-	166.493.100
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Trên 3 năm	170.562.600	-	170.562.600	Trên 3 năm	224.687.600	-	224.687.600
Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	Trên 3 năm	75.672.438	-	75.672.438	Trên 3 năm	75.672.438	-	75.672.438
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng	Trên 3 năm	518.851.037	-	518.851.037	Trên 3 năm	719.911.037	-	719.911.037
Cộng		924.129.433	79.521.679	844.607.754		1.449.377.533	110.592.679	1.338.784.854

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2020	31.091.857.610	3.559.751.943	17.430.980.006	18.304.029.554	70.386.619.113
Mua trong kỳ	-	-	-	154.000.000	154.000.000
Phân loại lại	-	(2.434.331.600)	-	2.434.331.600	-
Tại ngày 30/06/2020	31.091.857.610	1.125.420.343	17.430.980.006	20.892.361.154	70.540.619.113
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2020	24.142.572.299	2.974.402.582	13.561.360.840	16.287.666.910	56.966.002.631
Khấu hao trong kỳ	128.329.104	-	303.263.894	506.716.692	938.309.690
Phân loại lại	-	(1.848.982.239)	-	1.848.982.239	-
Tại ngày 30/06/2020	24.270.901.403	1.125.420.343	13.864.624.734	18.643.365.841	57.904.312.321
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2020	6.949.285.311	585.349.361	3.869.619.166	2.016.362.644	13.420.616.482
Tại ngày 30/06/2020	6.820.956.207	-	3.566.355.272	2.248.995.313	12.636.306.792
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng</i>	<i>18.258.947.343</i>	<i>1.125.420.343</i>	<i>12.680.093.723</i>	<i>16.471.169.645</i>	<i>48.535.631.054</i>

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 bao gồm giá trị của Khu nhà điều dưỡng 5 tầng tại thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa với giá trị là 5,8 tỷ đồng (đã khấu hao hết) và được Tổng công ty phân loại là tài sản không có nhu cầu sử dụng. Tổng công ty đang trong quá trình xin ý kiến Bộ Xây dựng để bàn giao Khu nhà điều dưỡng này cho Viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng - Bộ Xây dựng.
- Trong kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2020, Tổng công ty phân loại lại nhóm Tài sản cố định từ nhóm Máy móc thiết bị về nhóm Dụng cụ quản lý để nhất quán với phân loại nhóm tài sản cố định theo Chứng thư thẩm định giá phục vụ cho mục đích cổ phần hóa.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2020	374.116.278.348	13.574.270.674	4.295.054.600	391.985.603.622
Tăng trong kỳ	-	-	100.426.400	100.426.400
Tại ngày 30/06/2020	374.116.278.348	13.574.270.674	4.395.481.000	392.086.030.022
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2020	-	13.572.333.525	4.295.054.600	17.867.388.125
Khấu hao trong kỳ	-	1.937.149	100.426.400	102.363.549
Tại ngày 30/06/2020	-	13.574.270.674	4.395.481.000	17.969.751.674
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2020	374.116.278.348	1.937.149	-	374.118.215.497
Tại ngày 30/06/2020	374.116.278.348	-	-	374.116.278.348

Giá trị quyền sử dụng đất tại Khu Đô thị mới Cầu Giấy, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Tổng công ty chưa thực hiện trích khấu hao giá trị quyền sử dụng đất do toàn bộ khu đất này hiện đang được sử dụng để xây dựng Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Dự án Trung tâm điều hành và giao dịch VICEM (i)	773.954.381.368	773.228.005.336
Dự án xây dựng khu tổng hợp Vĩnh Tuy (ii)	60.063.832.637	60.063.832.637
Dự án nhà máy kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung (iii)	45.872.851.802	45.872.851.802
Dự án khu cảng Đông Hồi (iv)	2.442.363.045	2.442.363.045
Các dự án khác	363.249.637	423.939.637
	882.696.678.489	882.030.992.457

- (i) Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem được triển khai theo Quyết định phê duyệt số 2208/QĐ-XMVN ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty và Giấy Chứng nhận Đầu tư số 01121000884 do Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội ban hành ngày 20 tháng 9 năm 2010 với tổng mức đầu tư dự kiến là 2.744 tỷ đồng. Ngày 10 tháng 3 năm 2017, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Văn bản số 2243/VPCP-CN đề nghị Bộ Xây dựng tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan để chỉ đạo việc chuyển nhượng dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem của Tổng công ty. Trên cơ sở đề nghị của Tổng công ty, UBND thành phố đã chấp nhận gia hạn tiến độ dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng trong quý IV/2020 tại Quyết định số 3660/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2019.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, Bộ Xây dựng gửi Văn bản số 2394/BXD-QLDN tới Tổng công ty hướng dẫn thủ tục chuyển nhượng dự án Tòa nhà điều hành Vicem yêu cầu Tổng công ty triển khai xây dựng và trình Bộ Xây dựng phương án chi tiết việc chuyển nhượng dự án này. Ngày 09 tháng 11 năm 2019, Tổng công ty có Văn bản số 2221/Vicem-HĐTV trình Bộ Xây dựng phê duyệt chấp thuận thay đổi phương án xử lý với lô đất 10E6, khu đô thị mới Cầu Giấy, Hà Nội từ: "Giữ lại tiếp tục quản lý, sử dụng 8.476 m² tại lô đất 10E6, Khu Đô thị mới Cầu Giấy, Hà Nội của Tổng công ty Xi măng Việt Nam để thực

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

hiện Dự án xây dựng Trung tâm điều hành và giao dịch Vicem theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất" thành "Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng công ty đang chờ ý kiến chỉ đạo của Bộ Xây dựng về vấn đề nói trên.

- (ii) Dự án xây dựng Khu Tổng hợp Vĩnh Tuy được triển khai theo Quyết định số 1000/QĐ-XMVN ("Quyết định số 1000") được ban hành bởi Hội đồng Thành viên Tổng công ty ngày 4 tháng 7 năm 2012, với tổng mức đầu tư là 6,5 nghìn tỷ VND. Vào ngày 27 tháng 11 năm 2015, Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 6499/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch phân Khu đô thị H2-4, tỷ lệ 1/2000.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019, Tổng công ty đã có Văn bản số 120/VICEM-HĐTV gửi Bộ Xây dựng để báo cáo và đề nghị Bộ Xây dựng cho phép Tổng công ty tiếp tục quản lý, sử dụng khu đất 122 Vĩnh Tuy để đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty như hiện trạng cũng như đảm bảo tiến độ cổ phần hóa. Sau cổ phần hóa, căn cứ theo yêu cầu sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển, tái cấu trúc Tổng công ty và quy hoạch của Thành phố Hà Nội, Tổng công ty sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền việc sử dụng đất trên theo đúng quy định. Ngày 01 tháng 3 năm 2019, Bộ Xây dựng có Văn bản số 387/BXD-KHTC gửi Bộ Tài Chính về việc thống nhất với đề xuất của Tổng công ty và đề nghị Bộ Tài chính thực hiện việc xử lý, sắp xếp theo quy định.

Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng công ty đang thực hiện theo ý kiến của Bộ Tài chính tại Văn bản số 15226/BTC-QLCS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về vấn đề nói trên.

- (iii) Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung được triển khai theo Quyết định số 770/QĐ-XMVN ban hành bởi Hội đồng Thành viên Tổng công ty ngày 9 tháng 6 năm 2010 với tổng mức đầu tư ước tính khoảng 819 tỷ VND.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, Hội đồng Thành viên Tổng công ty đã ban hành Quyết định số 363/QĐ-VICEM chấp thuận dừng dự án kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 để chuyển nhượng Dự án cho Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ("Vicem Hoàng Mai") tiếp tục đầu tư với giá chuyển nhượng không thấp hơn 59,8 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng công ty đang tiếp tục rà soát, sắp xếp lại, xử lý đối với khu đất trên theo hướng chuyển nhượng dự án cho Vicem Hoàng Mai theo đúng quy định của Nghị định 167/NĐ-CP ngày 31/12/2017.

- (iv) Dự án Cảng VICEM tại Đông Hồi được thực hiện theo Quyết định số 659/QĐ-VICEM do Hội đồng Thành viên Tổng Công ty ban hành ngày 04 tháng 4 năm 2016, với tổng mức đầu tư là 1.978 tỷ VND.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, Hội đồng Thành viên Tổng công ty đã có Quyết định số 2146/QĐ-VICEM phê duyệt chấm dứt dự án đầu tư xây dựng Cảng Đông Hồi kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 với giá trị quyết toán là 2.680.806.045 đồng.

Trong năm 2019, Tổng công ty đã có Công văn số 381/VICEM-QLĐTXD ngày 04 tháng 3 năm 2019 đề nghị Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai có ý kiến để Vicem Hoàng Mai có văn bản gửi Tổng công ty về việc nhận chuyển nhượng dự án Nhà máy KCBT-VLXD không nung Đông Hồi và Cảng VICEM tại Đông Hồi theo hình thức thỏa thuận trước ngày 15 tháng 3 năm 2019, đồng thời hoàn thiện các thủ tục pháp lý của bên nhận chuyển nhượng, tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng chuyển nhượng với Tổng công ty trước ngày 20 tháng 3 năm 2019.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với Vicem Hoàng Mai để thực hiện các thủ tục nói trên.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
1. Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	1.021.101.622.719	(138.944.190.024)	1.021.101.622.719	(158.573.631.492)
2. Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	1.323.625.122.434	-	1.323.625.122.434	-
3. Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	1.132.027.198.900	(1.029.386.598.162)	1.132.027.198.900	(1.030.161.759.507)
4. Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	733.291.747.950	-	733.291.747.950	-
5. Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	898.556.152.000	-	898.556.152.000	-
6. Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	510.918.000.000	-	510.918.000.000	-
7. Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	2.584.434.333.100	-	2.584.434.333.100	-
8. Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	314.637.600.000	-	314.637.600.000	-
9. Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	41.990.150.000	-	41.990.150.000	-
10. Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	65.147.000.000	-	65.147.000.000	-
11. Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	35.786.140.000	-	35.786.140.000	-
12. Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	279.365.401.780	-	279.365.401.780	-
13. Công ty Cổ phần Vicem TMDV Vận tải Hải Phòng	16.290.600.000	-	16.290.600.000	-
14. Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	3.354.500.000	-	3.354.500.000	-
15. Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng (*)	120.000.000.000	-	120.000.000.000	-
16. Công ty Cổ phần Logistic Vicem	92.096.300.000	-	92.096.300.000	-
17. Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.605.858.460.000	(1.605.858.460.000)	1.605.858.460.000	(1.605.858.460.000)
18. Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	516.550.000.000	(300.138.968.294)	516.550.000.000	(307.716.343.343)
Cộng	11.295.030.328.883	(3.074.328.216.480)	11.295.030.328.883	(3.102.310.194.342)

(*) Theo Quyết định số 128/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đô thị Xi măng Hải Phòng đã quyết định giải thể doanh nghiệp do không còn mục đích hoạt động và nhất trí thông qua phương án giải thể theo đúng trình tự và quy định của pháp luật tại Nghị quyết số 127/NQ-ĐHĐCĐ cùng ngày. Theo đó, các cổ đông được hoàn trả đủ số vốn đã góp sau khi Công ty này đã thanh quyết toán toàn bộ các khoản phải thu, phải trả khác. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty Cổ phần Đô thị Xi măng Hải Phòng đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục giải thể với cơ quan thuế và các cơ quan quản lý nhà nước khác.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
1. Công ty Xi măng Chinfon	194.035.068.000	-	194.035.068.000	-
2. Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	814.863.899.899	-	814.863.899.899	-
3. Công ty Xi măng Nghi Sơn	872.610.611.500	-	872.610.611.500	-
4. Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	18.620.000.000	-	18.620.000.000	-
5. Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	22.634.323.995	-	22.634.323.995	-
6. Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	14.754.500.000	-	14.754.500.000	-
7. Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	36.611.500.000	-	36.611.500.000	-
8. Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	15.380.500.000	-	15.380.500.000	-
9. Công ty Cổ phần Sông Đà 12	12.000.000.000	(11.560.000.000)	12.000.000.000	(11.660.000.000)
10. Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	4.441.000.000	-	4.441.000.000	-
Tổng	2.005.951.403.394	(11.560.000.000)	2.005.951.403.394	(11.660.000.000)

16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
1. Công ty Cổ phần tấm lợp VLXD Đồng Nai	43.625.888.700	(41.266.914.940)	43.625.888.700	(40.268.887.580)
2. Công ty Cổ phần Tài chính Tín Việt	97.543.511.250	-	97.543.511.250	-
3. Công ty Cổ phần cao su Đồng Nai - Kratie	96.000.000.000	(11.088.976.068)	96.000.000.000	(6.833.228.872)
4. Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Kratie	105.000.000.000	-	105.000.000.000	-
Tổng	342.169.399.950	(52.355.891.008)	342.169.399.950	(47.102.116.452)

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền thuê đất dự án nhà máy kết cấu bê tông-Vật liệu xây dựng không nung Nghi An, Đông Hồi	13.791.802.000	13.791.802.000
	13.791.802.000	13.791.802.000

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cơ khí và Xây dựng	25.190.394.192	25.190.394.192	25.190.394.192	25.190.394.192
Posco E&C Việt Nam				
Các nhà cung cấp khác	1.642.121.818	1.642.121.818	5.960.933.405	5.960.933.405
Cộng	26.832.516.010	26.832.516.010	31.151.327.597	31.151.327.597
Phải trả các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Xi măng	349.991.600	349.991.600	349.991.600	349.991.600
Vicem Bút Sơn				
Viện Công nghệ Xi măng	654.261.000	654.261.000	3.097.187.428	3.097.187.428
Vicem				

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2020	Số phải nộp/thu trong kỳ	Số đã nộp/thu trong kỳ	30/06/2020
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.095.621.635	-	-	8.095.621.635
Thuế khác	22.527.667	-	-	22.527.667
Cộng	8.118.149.302	-	-	8.118.149.302
Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	7.242.032.265	8.385.030.927	10.437.255.133	5.189.808.059
Thuế thu nhập cá nhân	1.989.369.939	15.776.781.837	17.297.557.718	468.594.058
Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách	417.906.458.190	203.155.115.397	417.906.458.190	203.155.115.397
Các loại thuế, phí khác	-	5.472.127.813	5.472.127.813	-
Cộng	427.137.860.394	232.789.055.974	451.113.398.854	208.813.517.514

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí phải trả đầu tư XDCB	19.415.981.031	19.415.981.031
Chi phí phải trả khác	1.335.450.909	7.907.616.070
	20.751.431.940	27.323.597.101

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ ủng hộ công tác xã hội, từ thiện (i)	1.004.887.516	14.443.145.265
Quỹ hỗ trợ Tây Nam Bộ (ii)	3.199.157.822	3.199.157.822
Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng (iii)	120.000.000.000	120.000.000.000
Các khoản khác	3.507.636.454	7.922.403.833
	127.711.681.792	145.564.706.920

- (i) Quỹ ủng hộ từ thiện và nhân đạo của Tổng công ty nhằm mục đích hỗ trợ các đơn vị thành viên có nhiều khó khăn về sản xuất kinh doanh, thu nhập của CNVC lao động thấp; để hỗ trợ các đơn vị, cá nhân giúp đỡ ủng hộ Tổng công ty trong việc thực hiện hoàn thành nhiệm vụ chính trị, chăm lo đến việc làm thu nhập của CBCNV Tổng công ty; để ủng hộ công tác từ thiện, nhân đạo, xã hội của Tổng công ty. Quỹ được xây dựng bằng một phần tiền lương tự nguyện ủng hộ của CBCNV lao động và các nguồn hỗ trợ khác.
- (ii) Quỹ hỗ trợ Tây Nam Bộ: Quỹ được lập trên cơ sở chỉ đạo của Ban chỉ đạo Tây Nam Bộ để thực hiện Nghị quyết 37-NQ/TW về phương hướng phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Nguồn hình thành Quỹ được thu từ các đơn vị thành viên Vicem và Công ty mẹ Tổng công ty Xi măng Việt Nam.
- (iii) Khoản tiền Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng hoàn trả vốn góp. Hiện tại, Công ty Cổ phần Đô thị Xi măng Hải Phòng đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục giải thể với cơ quan thuế và các cơ quan quản lý nhà nước khác. Vì thế tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang theo dõi một khoản phải trả khác tương ứng với số tiền Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng hoàn trả vốn góp.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ (USD)	80.643,36	80.648,86
- Euro (EUR)	488,32	488,32

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B09a - DN****23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND		VND
Tại ngày 01/01/2019	14.482.610.534.843	97.859.545.560	289.312.236.981	-	14.869.782.317.384
Lãi trong năm	-	-	-	1.181.194.804.558	1.181.194.804.558
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	354.358.441.368	(354.358.441.368)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(33.929.905.000)	(33.929.905.000)
Lợi nhuận còn lại nộp Ngân sách	-	-	-	(792.906.458.190)	(792.906.458.190)
Tại ngày 01/01/2020	14.482.610.534.843	97.859.545.560	643.670.678.349	-	15.224.140.758.752
Lãi trong kỳ	-	-	-	314.457.575.567	314.457.575.567
Tăng khác	-	-	94.337.272.670	(94.337.272.670)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(16.965.187.500)	(16.965.187.500)
Lợi nhuận còn lại nộp Ngân sách	-	-	-	(203.155.115.397)	(203.155.115.397)
Tại ngày 30/06/2020	14.482.610.534.843	97.859.545.560	738.007.951.019	-	15.318.478.031.422

Tổng công ty tạm trích Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hoạt động theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 10 năm 2015 về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ****B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Phí tư vấn	114.381.201.461	123.124.046.269
Doanh thu dịch vụ khác	2.567.831.804	2.765.920.304
Cộng	116.949.033.265	125.889.966.573

Doanh thu với các bên liên quan

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	928.019.774	1.166.391.721
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	25.501.858.307	24.123.779.524
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	5.116.407.859	4.627.794.723
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	10.328.116.584	10.451.106.936
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	7.432.143.083	7.299.764.602
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4.111.058.739	3.910.381.694
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	58.489.853.194	65.355.135.654
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	277.789.044	1.309.213.110
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.717.421.493	2.107.915.415
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	116.094.298	570.201.360
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	191.585.000	208.289.000
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	123.410.837	180.211.971
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	137.797.720	158.590.748
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	124.181.688	108.224.217
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao xi măng	112.920.500	197.641.583
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại xi măng	214.678.883	309.068.423
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	1.158.785.507	1.943.619.853
(đổi tên từ Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng)		
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	72.315.942	88.812.645
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	1.106.406	1.239.064
Công ty Cổ phần Logistic Vicem (đổi tên từ Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên)	687.475.668	630.804.285
Công ty Cổ phần TMDVVT Xi măng Hải Phòng	40.486.476	42.706.445
Viện Công nghệ Xi măng Vicem	16.056.684	17.196.624

25. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.970.994.568	4.510.897.636
Cộng	4.970.994.568	4.510.897.636

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ****B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	37.625.784.880	22.123.958.368
Lãi cho các đơn vị thành viên vay vốn	41.828.650.405	57.456.959.626
Cổ tức, lợi nhuận được chia	208.782.845.300	421.473.530.341
Lãi chênh lệch tỷ giá	29.997.040	6.135.702
Cộng	288.267.277.625	501.060.584.037

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	555.354
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	14.778.009.824	1.310.828.100
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(37.606.213.130)	(42.394.576.048)
Khác	29.318.952	-
Cộng	(22.798.884.354)	(41.083.192.594)

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Chi phí nhân công	70.691.144.059	64.275.434.890
Chi phí vật liệu quản lý	729.046.751	969.453.385
Chi phí đồ dùng văn phòng	939.325.468	1.193.274.454
Chi phí khấu hao tài sản cố định	804.546.961	1.381.593.346
Thuế, phí và lệ phí	5.798.792.353	4.505.553.303
Chi phí dự phòng	(494.177.100)	(1.826.666.500)
Chi phí khác bằng tiền	30.140.713.363	32.449.448.825
Cộng	108.609.391.855	102.948.091.703

29. THU NHẬP KHÁC, CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	7.272.727
Tiền phạt thu được	24.500.000	-
Các khoản khác	-	397.370
Cộng	24.500.000	7.670.097
Chi phí khác		
Các khoản chậm nộp	1.733.254	-
Các khoản khác	-	65.488
Cộng	1.733.254	65.488

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ****B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Tổng công ty có các khoản lỗ tính thuế là 1.581.780.176.846 đồng có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Do đó, không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2020. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ còn lại vì Tổng công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

31. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan**Mối quan hệ**

Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	Công ty con
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	Công ty con
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty con
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Công ty con
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Công ty con
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Công ty con
Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem (đổi tên từ Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng)	Công ty con
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Công ty con
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	Công ty con
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Công ty con
Công ty Cổ phần Logistic Vicem (đổi tên từ Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên)	Công ty con
Công ty Xi măng Nghi Sơn	Công ty liên doanh (đồng kiểm soát)
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	Công ty liên doanh (đồng kiểm soát)
Công ty Xi măng Chinfon	Công ty liên doanh (đồng kiểm soát)
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	Công ty liên kết
Viện Công nghệ xi măng Vicem	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc

Trong kỳ, ngoài các giao dịch đã trình bày ở các thuyết minh khác, Tổng công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**B09a - DN****MẪU SỐ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Doanh thu từ lãi cho vay vốn**

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	10.094.246.576	18.191.232.876
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	2.578.082.191	4.091.095.891
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem (đổi tên từ Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng)	582.191.781	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	-	384.101.966
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	9.760.349.315	10.641.369.862
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	5.174.657.534	3.486.301.371
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	5.983.835.617	10.635.164.384
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	896.986.301	1.247.671.233
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	6.758.301.090	8.780.022.043
Cộng	41.828.650.405	57.456.959.626

Doanh thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	77.230.550.455	170.166.297.105
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	-	1.954.410.000
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	74.811.344.845	154.494.701.236
Công ty Xi măng Nghi Sơn	56.740.950.000	50.670.550.000
Công ty Xi măng CHINFON	-	34.150.600.000
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	-	7.322.300.000
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	-	852.672.000
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	-	1.862.000.000
Cộng	208.782.845.300	421.473.530.341

Số dư phải thu chủ yếu từ các bên liên quan**Phải thu lãi cho vay**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	45.282.191.781	35.187.945.205
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	2.578.082.191	2.562.328.767
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem (đổi tên từ Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng)	582.191.781	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	13.374.308.220	3.613.958.905
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	5.174.657.534	2.450.958.904
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	10.191.232.877	4.207.397.260
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	1.989.041.096	2.339.726.028
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	18.796.388.667	13.038.087.577
Cộng	97.968.094.147	63.400.402.646

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ****B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo****Phải thu về phí tư vấn và khác***

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	867.100.826	1.037.828.546
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	15.273.759.294	15.104.018.276
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	4.196.118.202	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	21.491.055.914	10.776.620.770
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	14.903.824.654	7.424.965.368
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4.338.590.823	470.317.600
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	64.333.927.515	75.182.228.502
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	5.292.841.528	4.987.273.580
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.314.137.498	1.448.529.763
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	114.138.200	126.259.100
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	76.237.239	75.042.050
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	151.577.492	89.633.441
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	76.279.365	60.353.307
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao xi măng	227.918.857	103.706.306
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại xi măng	137.459.524	192.892.867
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem (đổi tên từ Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng)	1.274.664.057	1.193.281.435
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	79.547.536	43.088.859
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	1.217.047	3.604.461
Công ty Cổ phần Logistic Vicem (đổi tên từ Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên)	409.396.636	461.307.827
Công ty Cổ phần TMDVVT Xi măng Hải Phòng	23.897.650	26.162.271

Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	67.648.196.765	42.772.584.770
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	360.000.000	360.000.000

Cộng**68.008.196.765****43.132.584.770****Người mua trả tiền trước**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	-	1.431.930.444
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	-	450.978.629
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	13.366.094	141.069.822

Cộng**13.366.094****2.023.978.895****Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc:**

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Thu nhập Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc	2.244.222.880	2.578.314.660

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ****B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. CÁC KHOẢN CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG****Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị là 486,15 tỷ VND liên quan đến việc xây dựng "Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem"; "Dự án Xây dựng Khu tổng hợp Vĩnh Tuy".

Như được trình bày tại Thuyết minh số 13, Liên danh nhà thầu POSCO E&C Việt Nam và Phục Hưng Holdings đã ký kết hợp đồng xây dựng số 0518/2012/HĐKT-XMVN ngày 6 tháng 4 năm 2012 để thực hiện Gói thầu số 20 "Thi công kết cấu móng và tầng hầm đến cao độ +0.0 m" ("Gói thầu số 20") thuộc Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem với tổng giá trị là 166,6 tỷ VND (hợp đồng đơn giá điều chỉnh). Tổng Công ty đã thực hiện thanh toán cho nhà thầu này theo tiến độ các đợt thanh toán và nghiệm thu khối lượng công trình như quy định trong hợp đồng với tổng số tiền là 140,8 tỷ VND.

Gói thầu thi công chậm tiến độ do trong quá trình thi công có một số thay đổi, phát sinh. Sau nhiều lần làm việc, hồ sơ quyết toán A-B chưa được Liên danh nhà thầu hoàn thiện. Ngày 04 tháng 5 năm 2018, đại diện Liên danh nhà thầu là Posco E&C Việt nam đã gửi đơn kiện lên Tòa án Nhân dân Quận Đống Đa đề nghị giải quyết tranh chấp giữa Liên danh nhà thầu và Tổng công ty liên quan đến Gói thầu số 20. Theo đó, tổng số tiền Tổng công ty đã thanh toán cho nhà thầu số tiền là 140,8 tỷ VND. Tuy nhiên, Posco E&C Việt Nam đề nghị giá trị quyết toán với Tổng công ty là 195 tỷ VND (cao hơn 55 tỷ VND so với giá trị đã thanh toán) nhưng Tổng công ty thấy không có cơ sở để chấp thuận.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, Tòa án nhân dân quận Đống Đa ra quyết định thụ lý vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 52/2018/TLST-KDTM về việc "tranh chấp hợp đồng xây dựng". Đến ngày 29 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã ra Bản án sơ thẩm số 90/2019/KDTM-ST về vụ án kinh doanh thương mại số 51/2018/TLST-KDTM ngày 29 tháng 8 năm 2018 giữa POSCO E&C và Tổng công ty. Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Tổng công ty bút phê tại văn bản số 364/ĐTXD-KTPC ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Phòng Đầu tư xây dựng và Ban Kiểm tra pháp chế Tổng công ty. Ban QLDA VICEM đã phối hợp với luật sư dự thảo, trình Tổng công ty ký Đơn kháng cáo gửi tòa án nhân dân quận Đống Đa thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo này đã được Thẩm phán Đàm Văn Thuận Tòa án nhân dân quận Đống Đa xác nhận Đơn kháng cáo hợp lệ.

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với Tòa án nhân dân quận Đống Đa về vấn đề nói trên. Do đó, Tổng công ty chưa có đầy đủ cơ sở để ghi nhận cho các khoản phải thanh toán bổ sung, nếu có, từ vụ kiện này.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu tại ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019 đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2020

Người lập**Trịnh Thị Hương****Trưởng phòng
Tài chính Kế toán****Văn Quang Đức****Tổng Giám đốc****Lê Nam Khánh**